

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đỗi,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1988. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Vũ Minh Ch, sinh năm 1985. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 21 tháng 5 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Bé Th trình bày: Chị và anh Vũ Minh Ch cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện, tỉnh Long An vào ngày 19/12/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc được chín năm. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị và anh Ch có một con chung tên Vũ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/6/2009, hiện đang sinh sống với anh Ch. Khi ly hôn, Chị đồng ý giao con chung cho anh Ch nuôi, Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng anh Ch vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Minh Ch; anh Ch hiện có địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Ch chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 19/12/2008 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị Th cho rằng năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh Ch. Đối với anh Ch, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh Ch không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ch vắng mặt, chứng tỏ Anh không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Anh Chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Ch là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh Ch có một con chung tên Vũ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/6/2009, hiện đang sinh sống với anh Ch. Khi ly hôn, Chị đồng ý giao con chung cho anh Ch nuôi, Chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Ch, dù đã được thông báo về yêu cầu của chị Th đối

với con chung nhưng anh Ch không đến Tòa án cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển bình thường thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho anh Ch nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Th không cấp dưỡng nuôi con, do anh Ch không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ch không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Th đối với anh Vũ Minh Ch về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé Th được ly hôn với anh Vũ Minh Ch.

- Về con chung: Anh Ch được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Vũ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/6/2009, con hiện đang sinh sống với anh Ch. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ch không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền

yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004706 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chị Th đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã M;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn

